

A. KẾT QUẢ TRUNG BÌNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

| Kết quả                                        | pH   | NH <sub>4</sub> <sup>+</sup><br>(mg/l) | Lưu<br>lượng vào<br>(m <sup>3</sup> /h) | Lưu<br>lượng ra<br>(m <sup>3</sup> /h) | COD<br>(mg/l) | TSS<br>(mg/l) | Màu<br>(Pt-Co) | Cl dư<br>(mg/l) | Nhiệt độ<br>(°C) | BOD<br>(mg/l) | DO<br>(mg/l) | Ký và ghi rõ<br>họ tên | Ghi chú |
|------------------------------------------------|------|----------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|---------------|--------------|------------------------|---------|
|                                                | 6-9  | ≤ 4,95                                 | -                                       | -                                      | ≤ 74,25       | ≤ 49,5        | ≤ 49,5         | ≤ 0,99          | ≤ 40             | ≤ 29,7        | -            |                        |         |
| Giá trị trung bình theo ca                     | 6,20 | 1,09                                   | 984                                     | 967                                    | 63,3          | 20,9          | 15,6           | 0,10            | 32,7             | 20,9          | 1,40         | Quân Ng. M. Quân       |         |
| Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                                        |                                         |                                        |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                                        |                                         |                                        |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình theo ca                     | 6,16 | 1,05                                   | 933                                     | 1012                                   | 54,5          | 20,8          | 12,9           | 0,1             | 32,8             | 18,0          | 1,43         | Trần Văn Mạnh          |         |
| Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                                        |                                         |                                        |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                                        |                                         |                                        |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình theo ca                     | 6,16 | 1,02                                   | 994                                     | 1031                                   | 50,4          | 20,7          | 12,1           | 0,1             | 32,3             | 16,7          | 1,97         | Trần Văn Mạnh          |         |
| Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                                        |                                         |                                        |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                                        |                                         |                                        |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình ngày: A                     | 6,1  | 1,01                                   | 959                                     | 1035                                   | 49,5          | 20,7          | 12,2           | 0,1             | 32,9             | 16,4          | 1,49         | Trần X. Mạnh           |         |

Ghi chú: "-": Không quy định

Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h.

Giá trị trung bình trong ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

Quy định mức phát khí thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20 Nghị định 45/2022 ND-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.